Ngày soạn: ......................................

Ngày giảng: ...............

**Bài 20 – Tiết 101,102**

**Văn bản: CHUẨN BỊ HÀNH TRANG BƯỚC VÀO THẾ KỈ MỚI**

**(Vũ Khoan)**

**I/ Mục tiêu** (KHGD)

**II/ Thiết bị dạy học**

- GV: máy tính, máy chiếu, máy chiếu hắt, BP

- HS: bảng phụ, bút dạ

**III/ Tổ chức các hoạt động học của HS**

**1/ Ổn định tổ chức**

**2/ Kiểm tra bài cũ**

**H:** Nội dung p/a', thể hiện của VN là gì? Tại sao con người cần đến tiếng nói của VN?

**GV:** KT sự chuẩn bị của HS

**3. Tiến trình tổ chức các hoạt động học tập**

**A. Hoạt động khởi động**

***HS HĐCN (4’) yêu cầu***  *HS quan sát hình ảnh thanh niên Việt Nam và nghe bài hát Khát vọng tuổi trẻ* và trả lời câu hỏi:Hình ảnh em vừa xem và nội dung bài hát em vừa nghe hướng tới đối tượng nào của đất nước ?

- Báo cáo – chia sẻ: (Thế hệ trẻ - thanh niên Việt Nam)

- GV dẫn vào bài: (Theo SGV/28)

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung chính** |
| **HĐCL**  **H. Trên cơ sở đọc và soạn bài ở nhà, em nào cho cô biết văn bản này nên đọc với giọng điệu như thế nào?**  **- HS chia sẻ - GV bổ sung ( nếu cần:** Đọc to, rõ ràng, mạch lạc: giọng trầm tĩnh, khách quan, gần gũi, giản dị, tình cảm phấn chấn)  **HS:** 2 em đọc lần lượt đến hết văn bản, nhận xét  **GV:** Nhận xét, sửa lỗi đọc (nếu có)  **GV:** Trình chiếu chân dung Vũ Khoan.  **HS:** Chú ý phần chú thích (\*)  **H:** Nêu một số nét chính về tác giả?  **GV:** Trình chiếu giới thiệu kết hợp mở rộng về tác giả.  **-** Vũ Khoan (sinh ngày [7 tháng 10](http://vi.wikipedia.org/wiki/7_th%C3%A1ng_10) năm [1937](http://vi.wikipedia.org/wiki/1937)) quê ở [huyện Phú Xuyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Huy%E1%BB%87n_Ph%C3%BA_Xuy%C3%AAn), [thành phố Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%C3%A0_N%E1%BB%99i), là Phó Thủ tướng [Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) từ [tháng 8](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1ng_8) năm [2002](http://vi.wikipedia.org/wiki/2002) đến cuối [tháng 6](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1ng_6) năm [2006](http://vi.wikipedia.org/wiki/2006). Ông được nhiều người cho là có nhiều đóng góp tích cực trong quá trình đàm phán [Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Hi%E1%BB%87p_%C4%91%E1%BB%8Bnh_Th%C6%B0%C6%A1ng_m%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t-M%E1%BB%B9) và quá trình gia nhập [Tổ chức Thương mại Thế giới](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c_Th%C6%B0%C6%A1ng_m%E1%BA%A1i_Th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi) ([WTO](http://vi.wikipedia.org/wiki/WTO)) của Việt Nam.  **H:** Nêu xuất xứ của văn bản ?  **GV:** NX, KL kết hợp trình chiếu.  **GV:** Nhan đề bài viết của tác giả là Chuẩn bị hành trang, khi đưa vào SGK, người biên soạn có bổ sung một số chữ vào nhan đề cho cụ thể hơn và lược bớt một câu ở phần đầu.  **GV**: HDHS tìm hiểu một số chú thích trong SGK.  **H.** Ngoài các chú thích trên, trong văn bản còn từ ngữ nào không giểu cần giải thích?  **H:** Văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” thuộc kiểu văn bản nào?  - Sử dụng phương pháp lý luận, bàn về vấn đề xã hội được mọi người quan tâm.  **H:** Vấn đề mà t/g đưa ra bàn luận là gì?  - Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.  **H:** T/g viết bài này trong thời điểm nào của lịch sử? Nhận xét về thời điểm lịch sử lúc này?  - Bài viết ra đời trong thời điểm những năm đầu của thế kỉ XXI (2001), thời điểm quan trọng trên con đường phát triển và hội nhập thế giới. Vì vậy vấn đề mà tác giả đặt ra vừa mang ý nghĩa thời sự vừa mang ý nghĩa lâu dài.  **GV:** Phân tích thêm về ý nghĩa thời sự và ý nghĩa lâu dài của vấn đề mà tác giả đặt ra (SGV/29, 30)  **HS HĐCN (5’) thực hiện yêu cầu a ( TL/22) – B/c – chia sẻ**  **GV:** NX, KL kết hợp trình chiếu.  - Luận điểm: Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới.  - Hệ thống luận cứ:  + Luận cứ 1: Vấn đề quan trọng nhất khi bước vào thế kỉ mới là sự chuẩn bị bản thân con người.  + Luận cứ 2: Bối cảnh chung của thế giới hiện nay đã đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề cho đất nước ta.  + Luận cứ 3: Những điểm mạnh, điểm yếu trong tính cách, thói quen của con người Việt Nam cần được nhìn nhận rõ khi bước vào thế kỉ mới.  **H:** Em hãy XĐ bố cục của văn bản theo bố cục của một bài văn nghị luận? (3 phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết thúc vấn đề)  **GV:** NX, KL kết hợp trình chiếu.  **H:**NX về bố cục văn bản?  - Bố cục chặt chẽ, lập luận lôgíc....  **H:**Hãy chỉ ra đối tượng, nội dung, mục đích hướng tới của luận điểm trên? Trọng tâm của luận điểm là gì?  **GV:** NX, KL  **H:** Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề của tác giả? Vấn đề nêu ra vào thời điểm đầu thế kỉ mới có ý nghĩa gì?  **GV:** LĐ mà t/g đưa ra thể hiện rõ VĐ chính của bài nghị luận. VĐ này sẽ được triển khai ở phần tiếp theo.  **HS:** Chú ý phần tiếp theo.  **GV:** Giới thiệu luận cứ thứ nhất.  -> Đây là luận cứ quan trọng mở đầu cho cả hệ thống luận cứ của văn bản. Nó có ý nghĩa đặt vấn đề, mở ra hướng lập luận của toàn bài.  **HS HĐCĐ (5’) thực hiện yêu cầu b ( TL/22) – B/c – chia sẻ**  **GV:** NX, KL kết hợp trình chiếu.  **H:** Từ đó em nhận thức như thế nào về vai trò của con người trong việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới?  **GVMR:** Chúng ta biết rằng, chính con người VN đã làm nên lịch sử dân tộc qua những cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước rất hào hùng. Chính con người đã biến thế giới loài người từ cuộc sống sơ khai đến XH văn minh như hiện nay. Và cũng chính con người với tư duy sáng tạo, sự thông minh đã góp phần quyết định tạo nên nền kinh tế tri thức.  Củng cố: Nêu hệ thống luận điểm của bài?  - HS chia sẻ, GV chốt.  **Ngày giảng:…………….**  **Tiết 102**  **HĐCN 2p, CS**  **H:** Tác giả đã nêu ra bối cảnh thế giới hiện nay ra sao? Trong một bối cảnh như thế, nước ta phải giải quyết những nhiệm vụ nào? Em có n/x gì về những nhiệm vụ đó?  **GV nx, chốt.**  **GV:** NX, KL lấy VD mở rộng. Sự phát triển của KH-CN: ti vi, vi tính, điện thoại di động, ô tô, máy bay, in tơ nét...; Sự giao thoa họi nhập giữa các nền kinh tế: đồng Euro, HH các nước ĐNA (ASEAN), T/c thương mại thế giới (WTO)...  **H:** Mục đích của việc nêu ra bối cảnh t/g và nhiệm vụ của đất nước ta là gì ?  - Thấy được vai trò của mỗi người trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của đất nước và thấy được nhiệm vụ thực hiện CNH-HĐH của nước ta hiện nay là quan trọng.  **GV:** Từ việc gắn vai trò trách nhiệm của con người Việt Nam với thực tế lịch sử, kinh tế của đất nước trong thời kỳ đổi mới để dẫn dắt tới vấn đề cơ bản mà tác giả cần bàn luận: “những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam”.  **HS HĐN (6’) thực hiện yêu cầu c ( TL/23) – B/c – chia sẻ**  **GV:** NX, KL, kêt hợp trình chiếu, lấy VD chứng minh thêm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **§iÓm m¹nh** | **§iÓm yÕu** | **Nguyªn nh©n, t¸c h¹i** | | Th«ng minh, nh¹y bÐn víi c¸i míi. | ThiÕu kiÕn thøc c¬ b¶n, kÐm kh¶ n¨ng thùc hµnh. | - Ch¹y theo m«n häc thêi th­­îng.  -> Khã ph¸t huy trÝ th«ng minh, kh«ng thÝch øng víi nÒn kinh tÕ tri thøc. | | CÇn cï s¸ng t¹o | ThiÕu ®øc tÝnh tØ mØ, kh«ng coi träng quy tr×nh c«ng nghÖ, ch­­a quen víi nhÞp ®é khÈn tr­¬ng. | - ¶nh h­­ëng ph­­¬ng thøc sèng n¬i th«n d·.  -> VËt c¶n ghª gím cña x· héi c«ng nghiÖp. | | §ïm bäc, ®oµn kÕt trong chiÕn ®Êu. | §è kÞ trong lµm ¨n vµ trong cuéc sèng h»ng ngµy. | - ¶nh h­­ëng cña x· héi phong kiÕn.  -> ¶nh h­ëng tíi ®¹o ®øc. | | ThÝch øng nhanh. | K× thÞ trong kinh doanh, sïng ngo¹i hoÆc bµi ngo¹i qu¸ møc, kh«n vÆt, Ýt gi÷ ch÷ tÝn. | - ¶nh h­­ëng thêi bao cÊp.  -> G©y khã kh¨n trong qu¸ tr×nh kinh doanh vµ héi nhËp. |   **H.** Tích hợp: Tìm câu ca dao nói về truyền thốngtinh thần đoàn kết, đùm bọc của dân tộc ta.  **H :**Em có nhận xét gì về cách lập luận, lời văn của t/g?  **GV:** Điều đáng chú ý nữa là trong cách lập luận của t/g điểm mạnh và điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong hiện tại chứ không phải chỉ nhìn trong lịch sử.  **H:** Em nhận thức được điều gì về những điểm mạnh, điểm yếu của con người VN ? Theo em tác giả chỉ rõ điểm mạnh và điểm yếu của con người VN nhằm mục đích gì?  **HS HĐCĐ (5’) thực hiện yêu cầu d ( TL/23) – B/c – chia sẻ**  **GV:** NX, KL (SGV.32)  - Thái độ của tác giả : Tôn trọng sự thật, nhìn nhận vấn đề 1 cách khách quan, toàn diện, không thiên lệch 1 phía, trân trọng những p/c tốt đẹp những cũng thẳng thắn chỉ ra điểm yếu, không rơi vào sự đề cao quá mức hay tự ti, miệt thị dân tộc.  **H:**Em nhận thấy ở bản thân mình và HS trong trường, cũng như lớp thanh niên hiện nay có những điểm mạnh, điểm yếu nào trong những điều tác giả đã nêu, và cả những điều tác giả chưa nói tới ?  **HS:** Tự liên hệ bản thân  **GV:** Hướng HS vào việc phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu  **HS:** Chú ý đoạn cuối  **GV:** Từ việc chỉ ra và phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của con người VN, t/g đã nêu yêu cầu với mỗi người VN, đặc biệt là thế hệ trẻ.  **H:** Theo t/g để chuẩn bị tốt hành trang khi bước vào thế kỉ mới thì mỗi chúng ta, đặc biệt là thế hệ trẻ cần phải làm gì ?  **GV:** Tác giả đã chỉ rõ trách nhiệm của mỗi người VN chúng ta, nhất là thế hệ trẻ cần thực hiện yêu cầu đổi mới trong TK mới.  **H:** VB có gì đặc sắc về NT ?  - Sử dụng thành ngữ, tục ngữ thích hợp làm cho câu văn vừa sinh động, cụ thể, lại vừa ý vị, sâu sắc mà vẫn ngắn gọn.  - Sử dụng ngôn ngữ báo chí, gắn với đời sống, cách nói trực tiếp, dễ hiểu, giản dị.  - Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục.  **GV:** Phân tích thêm (SGV.31+32)  **H:** Qua đó em cảm nhận được nội dung mà tác giả muốn gởi gắm qua VB là gì ?  **GV:** Nhấn mạnh và khắc sâu, nêu ý nghĩa v/b  HS HĐCN (4’) Thực hiện yêu cầu 1.C (TL/30) – B/c – chia sẻ  - GV nhận xét , đánh giá | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Vũ Khoan: nhà hoạt động chính trị, từng làm Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Phó Thủ tướng Chính phủ.  ***2.Tác phẩm***  - Tác phẩm đăng trên tạp chí Tia sáng năm 2001, in trong tập “Một góc nhìn của tri thức” năm 2002.  ***3. Kiểu văn bản***  - Nghị luận về một vấn đề xã hội  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Bố cục (**3 phần)  - Phần 1: Câu đầu (Đặt vấn đề: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới)  - Phần 2: Tiếp...hội nhập. (Giải quyết vấn đề: Những yêu cầu của thế kỉ mới và điểm mạnh, điểm yếu của con người VN)  + Vai trò của con người trong việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.  + Bối cảnh của thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước.  + Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam.  - Phần 3: Còn lại (Kết thúc vấn đề: Nhiệm vụ cấp thiết của chúng ta)  **2*. Nêu vấn đề***  - *Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người VN để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền KT mới*  - §èi t­îng: *Líp trÎ VN.*  - Néi dung: *CÇn nhËn ra nh÷ng c¸i m¹nh, c¸i yÕu cña con ng­­êi ViÖt Nam.*  - Môc ®Ých: *RÌn nh÷ng thãi quen tèt khi b­­íc vµo nÒn kinh tÕ míi.*  -> C¸ch nªu vÊn ®Ò trùc tiÕp, râ rµng, ng¾n gän cã tÝnh thêi sù cÊp b¸ch.  ***3. Những yêu cầu của thế kỉ mới và điểm mạnh, điểm yếu của con người VN***  *a. Vai trò của con người trong việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.*  - Trong việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới thì sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.  *+ Từ cổ chí kim, con người là động lực phát triển của xã hội.*  *+ Trong thời kì nền kinh tế tri thức phát triển mạnh thì vai trò con người càng nổi trội.*  -> Con ng­­êi lµ nh©n tè quyÕt ®Þnh vËn mÖnh, t­­¬ng lai ®Êt n­­íc.  *b. Bối cảnh của thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ của đất nước*  - Bối cảnh của thế giới:  *+ K/học công nghệ phát triển như huyền thoại.*  *+ Sự giao thoa, hội nhập ngày càng sâu rộng giữa các nền kinh tế.*  - Nhiệm vụ của nước ta: *(phải đồng thời giải quyết 3 nhiệm vụ)*  *+ Thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu của kinh tế nông nghiệp*  *+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*  *+ Tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức.*  -> Bối cảnh chung của thế giới hiện nay đã đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề cho đất nước ta.  *c. Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam*  - Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.  - Cần cù, sáng tạo nhưng thiếu đức tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt qui trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương.  - Tinh thần đoàn kết, đùm bọc nhưng lại đố kị nhau trong làm ăn và c/s thường ngày.  - Bản tính thích ứng nhanh nhưng hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kì thị kinh doanh, quen với bao cấp, sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói “khôn vặt”, ít giữ chữ “tín”.  -> Lập luận chặt chẽ, phương pháp so sánh, đối chiếu, phân tích song song, lời văn ngắn gọn, s/d nhiều thành ngữ, tục ngữ  => Con người VN có nhiều điểm mạnh nhưng cũng không ít những điểm yếu tiềm ẩn ngay trong cái mạnh. Chúng ta cần h×nh thµnh vµ ph¸t huy nh÷ng ®øc tÝnh, thãi quen tèt ®ång thêi kh¾c phôc nh÷ng ®iÓm yÕu vµ thãi quen xÊu.    ***4. Nhiệm vụ cấp thiết của chúng ta***  - Lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ điểm yếu.  - Rèn những thói quen tốt ngay từ những việc nhỏ nhất  **III. Tổng kết**  **1. NT**  **2. Ý nghĩa VB:**  VB nêu lên những điểm mạnh, điểm yếu của con người VN; từ đó cần phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế để XD đất nước trong thế kỉ mới.  **IV. Luyện tập** |

**4. Củng cố (2’): H:** Trình bày suy nghĩ của em về việc chuẩn bị hành trang cho bản thân khi bước vào thế kỉ mới? **(HS:** Suy nghĩ, trình bày 1 phút.)

**5. H­ướng dẫn học bài (2’)**

- **Bài cũ:** + Häc bµi, n¾m ®­îc néi dung vµ nghÖ thuËt cña bµi.

+ Lập lai hệ thống luận điểm của VB.

Bài tập về nhà: Hướng dẫn về làm bài tập phần Hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng ( TL/27))

- **Bài mới:** Tìm hiểu các thành phần biệt lập ( TL/23)

**Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Ngày 17/1/2020**

**TTCM**

**Trần Thị Thu**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:....................

Ngày giảng:..................

**Tiết 104. CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP ( Tiếp)**

**I/ Mục tiêu:**

**\* Chuẩn kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được đặc điểm và công dụng của các thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú trong câu

- Đặt câu có sử dụng thành phần goi - đáp, thành phần phụ chú.

**\*HS khá, giỏi:**

- Hiểu được đặc điểm và công dụng của các thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú trong câu

- Biết đặt câu có thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú.

**II/ Thiết bị dạy học**

- GV: máy chiếu.

- HS: bảng phụ, bút dạ

**III/ Tổ chức các hoạt động học của HS**

**1/ Ổn định tổ chức**

**2/ Kiểm tra bài cũ**

**H:** Thế nào là thành phần tình thái và thành phần cảm thán? Cho VD. Vì sao hai thành phần này được gọi là thành phần biệt lập?

**3. Tiến trình tổ chức các hoạt động học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung** |
| **Sử dụng PP lớp học đảo ngược.**  **HS tìm hiểu nội dung bài qua địa chỉ**  **\* Khởi động (4’)**  1. **Bác ơi***,* cho cháu hỏi chợ Đông Ba ở đâu?  2. Hôm đó, chú Tiến Lê - **hoạ sĩ, bạn thân của bố tôi** - đưa theo bé Quỳnh đến chơi.  **H:**Các cụm từ “Bác ơi; hoạ sĩ, bạn thân của bố tôi ” có tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu hay không?  **GV:** Các cụm từ này không tham gia vào việc diễn đạt s/v của câu -> thành phần ?  - HS chia sẻ  - GV chuyển ý  **HS HĐCN (4’) thực hiện yêu cầu a( TL/23) – B/c – chia sẻ**  **GV:** NX, KL  **GVKL:** Các từ ngữ “này”, “thưa ông” được gọi là thành phần gọi – đáp  **H:**Em hiểu thế nào là thành phần gọi - đáp? Đặt câu có thành phần gọi - đáp?  **HS HĐCĐ (4’) thực hiện yêu cầu b( TL/28) – B/c – chia sẻ**  **GV:** NX, KL  **GV:** Cụm từ “tôi nghĩ vậy” chỉ việc diễn ra trong suy nghĩ của riêng t/giả. 2 cụm C-V 1,3 diễn đạt việc tác giả kể. “Tôi nghĩ vậy” có giải thích thêm rằng “lão không hiểu tôi” chưa hẳn đã đúng, nhưng “tôi” cho đó là lí do làm cho “tôi càng buồn lắm”  **H:** Về mặt hình thức những từ ngữ in đậm trên có đặc điểm gì?  **GVKL:** Các cụm từ in đậm trên được gọi là thành phần phụ chú  **H:** Em hiểu thế nào là th/phần phụ chú? Đặt câu có thành phần phụ chú?  **HS HĐCN (3’) thực hiện yêu cầu c( TL/23) – B/c – chia sẻ**  **GV:** NX, KL  **H:**Từ việc phân tích bài tập, em rút ra nhận xét gì về thành phần phụ chú và gọi - đáp trong câu? Chúng giống và khác nhau ở điểm nào?  **GV lưu ý:** (**MC**) thành phần phụ chú không chỉ được dùng giải thích cho những từ ngữ khác mà còn được dùng để nêu xuất xứ, nêu thái độ, cử chỉ, hành động đi kèm theo lời nói của người nói, của nhân vật và nhờ đó lời nói, văn bản được hiểu đúng hơn, thích hợp hơn với h/cảnh chúng được sử dụng.  VD: Cô gái nhà bên *(có ai ngờ)*  Cũng vào du kích  Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích  Mắt đen tròn *(thương thương qua đi thôi)*  (Quê hương – Giang Nam)  Thành phần phụ chú trong ngoặc đơn không trình bày việc cô gái làm hoặc miêu tả đôi mắt cô gái mà trình bày thái độ của người đang nói: ngạc nhiên trước sự việc cô gái tham gia du kích, xúc động trước nụ cười hồn nhiên và đôi mắt đen của cô gái  **HS** **HĐ cá nhân 3p câu a T 25, b/c – chia sẻ**  **GV: NX, KL**  **HS** **HĐ cá nhân 5p câu b T 25, b/c – chia sẻ**  **GV: NX, KL**  - Câu d, nêu thái độ của người nói trước sự vât, sự việc.  -> Các thành phần phụ chú này liên quan đến những từ ngữ mà nó có nhiệm vụ giải thích hoặc cung cấp thông tin phụ về thái độ, suy nghĩ, t́nh cảm của các nhân vật đối với nhau. | **I. Thành phần gọi - đáp**  ***1. Bài tập a(SGK/23)***  - **Này**: Dùng để gọi -> tạo lập cuộc thoại, mở đầu sự giao tiếp.  - **Thưa ông**: Dùng để đáp -> duy trì cuộc thoại đang diễn ra (phản hồi này chứng tỏ người nghe chú ý, cộng tác với người nói)  - Chúng không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  **II. Thành phần phụ chú**  **1. Bài tập b (SGK- T23)**  - Nếu lược bỏ những từ ngữ in đậm thì nghĩa sự việc của các câu không thay đổi. Vì chúng không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  - “**Và cũng là đứa con duy nhất của anh”** chú thích thêm cho cụm từ “đứa con gái đầu lòng”.  - Cụm chủ-vị **“tôi nghĩ vậy”** chú thích điều suy nghĩ riêng của nhân vật “tôi”.  - Hình thức: Đặt giữa 2 dấu phẩy; 1 dấu gạch ngang, 1 dấu phẩy.  **2. Kết luận ( SGK/23 )**  (1)….tạo lập hoặc duy trì quan hệ…  (2)…bổ sung một số chi tiết …  Thành phần phụ chú thường đặt giữa 2 dấu phẩy, 2 dấu gạch ngang, 2 dấu ngoặc đơn hoặc giữa 1 dấu gạch ngang với 1 dấu phẩy. Nhiều khi còn được đặt sau dấu hai chấm.  **III. Luyện tập**  ***1. Bài tập a (SGK 25)***  Xác định thành phần gọi- đáp  - Này: để gọi  - Vâng: để đáp  -> Quan hệ trên – dưới, thân thiết  ***2. Bài tập b (SGK 25)***  Xác định thành phần phụ chú, nêu t/d và giới hạn t/d của thành phần phụ chú  - Các câu a,b,c phần phụ chú giải thích cho các cụm DT trước đó, cụ thể:  a) ***“Kể cả anh”***-> giải thích cho cụm từ “mọi người”  b) ***“Các thầy cô…người mẹ”*** -> giải thích cho cụm từ “những người nắm giữ chìa khoá… này”  c) ***“Những người thực sự của …kỉ tới”***  -> giải thích cho cụm từ “lớp trẻ”.  d) ***“Có ai ngờ”*** -> thể hiện sự ngạc nhiên của nhân vật “Tôi”.  ***“Thương thương quá đi thôi”***-> thể hiện tình cảm trìu mến của nhân vật “Tôi” với nhân vật “Cô bé nhà bên”. |

**4. Củng cố (1’)**

**H:** Thế nào là thành phần biệt lập? Kể tên các thành phần biệt lập đã học?

**GV:** Khái quát bằng SĐTD.

**5. H­ướng dẫn học bài (1’)**

- **Bài cũ:** Nắm chắc thành phần biệt lập trong câu.

- **Bài mới:** Đọc và trả lời câu hỏi phần các thành phần biệt lập (tiếp theo)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***